

Bản án số: 22/2026/DS-PT

Ngày 14 - 01 - 2026

V/v Tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 575/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp chia thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 140/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 532/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, Ngã Ba Cây Dương, ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đ (hiện nay là xã T, huyện V, tỉnh Đ).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1982 (có mặt).

Căn cước công dân số 096082005780 cấp ngày 18/11/2021.

Địa chỉ: Số 154, đường L, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Hẻm 82, phường A, tỉnh Cà Mau.

2/ Ông Trần Hữu A. Sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm bâng nước ngọt, Trần Văn Thời, khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau).

3/ Ông Trần Lý N, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Hẻm băng nước ngọt, Trần Văn Thời, khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau).

4/ Ông Trần Văn L, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường Lý Thường Kiệt, khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn L: Bà Trần Kim Xuyên là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

5/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau).

6/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 154, L, khóm 2, phường 1, thành phố C (nay là phường A, tỉnh Cà Mau).

7/ Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Hẻm 139A, đường Nguyễn Tất Thành, khóm 1, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường L, tỉnh Cà Mau).

8/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số 111, đường T, xã T, thành phố B, tỉnh Đ.

9/ Chị Nguyễn Lê Minh A, sinh năm 2002 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã A, tỉnh Bình D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ ông Nguyễn Văn H, chết năm 2004 và cụ bà Lê Thị T chết năm 2021. Cụ H và cụ T chung sống vào năm 1950, không có đăng ký kết hôn và quá trình chung sống có con gồm: Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị A, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Vân (đã chết năm 2017, có chồng là ông Trần Văn L và 02 con là Trần Lý N, Trần Hữu A), Nguyễn Thị C (đã chết năm 2006 có con là Nguyễn Lê Minh A), Nguyễn Văn N (chết năm 1994, không có vợ con). Ngoài những người con này cụ T và Cụ H không còn người con nào khác.

Quá trình chung sống hai cụ đã tạo lập được tài sản gồm: Phần đất thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại số 154, đường L, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau, diện tích 82.34m² và căn nhà trên đất có tổng diện tích sử dụng 63.28m², diện tích xây dựng 65.11m², kết cấu nhà bằng cột gỗ, xây tường.

Phần đất trên được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/3/2004 đứng tên Nguyễn Văn H, Lê Thị T.

Đối với tài sản trên, do có một phần diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng con hẻm công cộng nên vào năm 2002 nhà nước có thu hồi và đền bù phần diện tích đất là 15.90m². Như vậy, phần diện tích còn lại bằng 66.44m²

Cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Hiện căn nhà và phần đất nêu trên do ông Nguyễn Hoàng L cùng vợ con ông L đang quản lý, sử dụng. Căn nhà là do cha mẹ để lại, là căn nhà tổ để chị em bà tập hợp về cúng giỗ cha mẹ. Tuy nhiên, ông L không cho chị em về giỗ cha mẹ. Từ đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với căn nhà và đất nêu trên, cụ thể: Chia cho 09 người gồm Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị A, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hoàng L, chồng con Nguyễn Thị Vân là Trần Văn L, Trần Hữu Nguyên, Trần Hữu A là thừa kế thế vị của bà Vân nhận kỷ phần của bà Vân, Nguyễn Lê Minh A con của bà Nguyễn Thị C. Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần tương đương phần diện tích là 7.38m² với giá tiền là 264.752.000 đồng và phần giá trị căn nhà là 100.000.000 đồng. Bà yêu cầu nhận 01 kỷ phần đất bằng 10.29m², bà xin nhận hiện vật và giao kỷ phần của bà lại cho bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng để thờ cúng cha mẹ. Tại phiên tòa, bà xác định tự nguyện hỗ trợ cho ông L phần chi phí sửa chữa nhà là 70.068.000 đồng nên bà chỉ yêu cầu chia giá trị căn nhà còn lại số tiền 100.000.000 đồng chia cho 09 người, mỗi người hưởng 01 kỷ phần tương đương 11.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày: Căn nhà số 154, đường L, khóm là phường 1, thành phố C là tài sản của cha ông là Nguyễn Văn H và mẹ là bà Lê Thị T. Cụ H chết năm 2004 và cụ T chết năm 2021, không để lại di chúc. Tuy nhiên, khi cụ T còn sống có nói với ông là căn nhà này để lại để làm nơi thờ cúng cha mẹ, không được quyền sang bán và giao căn nhà này lại cho ông quản lý, sử dụng vì ông là người sống với cha mẹ từ nhỏ và ông là người trực tiếp thờ cùng cha mẹ từ lúc cha mẹ ông chết cho đến nay, việc này cụ T chỉ nói miệng không có làm giấy tờ. Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn đứng tên cụ T và cụ Hòa.

Tại phiên tòa, ông đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất và căn nhà nêu trên. Tuy nhiên, ông yêu cầu chia cho 10 người bao gồm: Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị A, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Vân (đã chết năm 2017, có 02 con là Trần Lý N, Trần Hữu A), Nguyễn Thị C (đã chết năm 2006 có con là Nguyễn Lê Minh A) và ông Nguyễn Văn N (chết năm 1994). Ông xin nhận nhà và đất và đồng ý giao lại phần giá trị cho các hàng thừa kế. Ngoài ra, ông yêu cầu các anh chị em của ông phải trả

cho ông chi phí mai táng cho cụ T là 60.000.000 đồng, chi phí chữa bệnh cho cụ T là 30.000.000 đồng, chi phí sửa chữa nhà là hơn 100.000.000 đồng (ông không nhớ rõ đã sửa chữa bao nhiêu) và tiền đóng thuế đất (ông không không biết số tiền bao nhiêu). Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T trình bày:* Cha mẹ của các ông bà là cụ ông Nguyễn Văn H, chết năm 2004 và cụ bà Lê Thị T chết năm 2021. Cụ H và cụ T chung sống vào năm 1950, không có đăng ký kết hôn và quá trình chung sống có con gồm: Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị A, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Vân (đã chết năm 2017, có chồng là ông Trần Văn L và 02 con là Trần Lý N, Trần Hữu A), Nguyễn Thị C (đã chết năm 2006 có con là Nguyễn Lê Minh A), Nguyễn Văn N (chết năm 1994, không có vợ con). Ngoài những người con này cụ T và Cụ H không còn người con nào khác.

Quá trình chung sống hai cụ đã tạo lập được tài sản gồm: Phần đất thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại số 154, đường L, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau, diện tích 82.34m² và căn nhà trên đất có tổng diện tích sử dụng 63.28m², diện tích xây dựng 65.11m², kết cấu nhà bằng cột gỗ, xây tường. Phần đất trên được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/3/2004 đứng tên Nguyễn Văn H, Lê Thị T.

Cụ T và Cụ H chết không để lại di chúc. Hiện căn nhà và phần đất nêu trên do ông Nguyễn Hoàng L cùng vợ con ông L đang quản lý, sử dụng. Căn nhà là do cha mẹ để lại, là căn nhà tổ để chị em bà tập hợp về cúng giỗ cha mẹ. Tuy nhiên, ông L không cho chị em về giỗ cha mẹ. Từ đó, ông Trung, bà B, bà Lê, bà An yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo như yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc H, thống nhất theo yêu cầu của bà H là giao phần di sản cho bà Lợi quản lý. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa anh Trần Hữu A, Trần Lý N – là người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Vân trình bày: Bà Nguyễn Thị Vân là con của cụ Lê Thị T và cụ Nguyễn Văn H, bà Vân chết năm 2017. Anh A và anh N là con ruột của bà Nguyễn Thị Vân. Theo quy định thì bà Vân được hưởng một phần thừa kế của cụ T và Cụ H nhưng bà Vân đã chết nên anh A và anh N yêu cầu được hưởng kỹ phần thừa kế của bà Vân. Cụ thể anh A và anh N thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, anh A và anh N không yêu cầu gì khác.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn L trình bày: Bà Nguyễn Thị Vân là vợ của ông. Bà Vân là con ruột của cụ Lê Thị T và cụ Nguyễn

Văn H. Do đó, bà Vân được hưởng một kỷ phần thừa kế của cụ Tvà Cụ Hnên ông xin được hưởng phần thừa kế của bà Vân, thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Lời khai trong quá trình giải quyết và được bổ sung tại phiên tòa chị Nguyễn Lê Minh A trình bày: Mẹ của chị là bà Nguyễn Thị C, bà C chết năm 2006, bà C là con ruột của cụ Lê Thị T và cụ Nguyễn Văn H. Khi bà C chết chị mới được 05 tuổi nên chị sống chung với bà ngoại là bà Lê Thị T cho đến khi bà T chết. Chị yêu cầu được nhận kỷ phần của bà C theo như yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, chị xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cam kết chấp nhận mọi phán quyết của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 140/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 1 - C đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 30, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị A, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L, Trần Hữu Nguyên, Trần Hữu A, Nguyễn Lê Minh A:

Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và cụ Lê Thị T là căn nhà và phần đất có diện tích 66.44m² thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại số 154, đường L, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5901010282 ngày 24/3/2004 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T, chia cho hàng thừa kế thứ nhất của Cụ H và cụ T gồm: bà Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hoàng L, anh Trần Hữu A, anh Trần Lý N (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Vân), chị Nguyễn Lê Minh A (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị C), mỗi kỷ phần thừa kế 7.38m² bằng giá trị là 275.752.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Hoàng L giao cho bà Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, anh Trần Hữu A, anh Trần Lý N (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Vân), chị Nguyễn Lê Minh A (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị C) kỷ phần thừa kế của mỗi người được hưởng là 275.752.000 đồng (*hai trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Buộc bà Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, anh Trần Hữu A, anh Trần Lý N (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Vân), chị Nguyễn Lê Minh A (hưởng

thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị C) giao cho ông Nguyễn Hoàng L tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 66.44m² thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại số 154, đường L, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5901010282 ngày 24/3/2004 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H về việc tự nguyện hỗ trợ cho ông L phần chi phí sửa chữa căn nhà số 154, đường L, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau là 70.068.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn L về việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại số 154, đường L, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5901010282 ngày 24/3/2004 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/10/2025 ông Nguyễn Hoàng L kháng cáo với nội dung đề nghị chia một kỷ phần cho ông Nghĩa, một kỷ phần cho cha mẹ ông và chia kỷ phần được hưởng thừa kế cho ông nhiều hơn do ông là người thờ cúng đồng thời yêu cầu những hàng thừa kế phải trả lại 90.000.000 đồng do ông mượn để trị bệnh và mai táng cho mẹ của ông, sửa chữa nhà là 100.000.000 đồng, giá phần đất chỉ 20.000.000 đồng/m² nhưng buộc ông phải thanh toán mỗi kỷ phần là 275.752.000 đồng là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hoàng L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 140/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - C chia cho ông Nguyễn Hoàng L 02 kỷ phần, điều chỉnh lại cách tuyên án đối với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T vì 02 người này không có đơn yêu cầu độc lập, các quyết định khác giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phân tranh luận; sau khi thảo luận, nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo với lý do anh ông là ông Nguyễn Văn N và cha mẹ ông vẫn phải có phần bằng nhau của hàng thừa kế để ông dùng vào việc thờ cúng; do ông là người phụng dưỡng cha mẹ nên phải được nhận phần nhiều hơn, buộc ông thanh toán mỗi kỳ phần 275.752.000 đồng là ông không có khả năng.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng L:

[2.1] Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế cho ông Nguyễn Văn N và cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Hoà và cụ Lê Thị T. Theo Điều 613 Bộ luật Dân sự quy định “Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế...”. Do ông Nguyễn Văn N đã chết không có vợ con nên không được nhận kỳ phần thừa kế. Đối với Cụ H và cụ T là người để lại di sản, theo quy định tại Điều 612 Bộ luật Dân sự “Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác”, cụ Hòa, cụ T chết để lại di sản nên các con của cụ được hưởng, nên yêu cầu của ông L là không có cơ sở.

[2.2] Đối với yêu cầu của ông L về vấn đề do ông là người sống chung, phụng dưỡng và thờ cúng cha mẹ nên yêu cầu được nhận phần nhiều hơn: Căn cứ khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự quy định “Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau” nên yêu cầu này của ông L không được chấp nhận.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông L yêu cầu các hàng thừa kế phải chi trả cho ông khoản tiền đã vay mượn để lo chi phí chữa bệnh và chi phí mai táng cho cụ T và tiền sửa chữa nhà là hơn 100.000.000 đồng và tiền thuế đất, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo cho ông L nộp tạm ứng án phí nhưng đến nay ông L vẫn chưa nộp. Đồng thời, nhận thấy yêu cầu của ông L là không có căn cứ, cụ thể ông L cung cấp giấy mượn nợ phô tô ngày 26/3/2018 và ngày 08/12/2021 (BL 434, 435) có nội dung mượn nợ trị bệnh và mai táng, các đồng thừa kế không thừa nhận. Xét chỉ căn cứ vào giấy mượn nợ cũng không có cơ sở cho rằng ông L mượn để lo cho cụ T nên cấp sơ thẩm không xem xét chấp nhận. Đối với chi phí sửa chữa nhà, ông L không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc sửa nhà, phía nguyên đơn thống nhất hỗ trợ cho ông L là 70.068.000 đồng là có lợi cho ông L ; đối với chi phí đóng tiền thuế đất, ông L cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh ông L là người trực tiếp đóng thuế và cụ thể số thuế là bao nhiêu. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu ông L đặt ra giá trị đất chia thừa kế 20.000.000 đồng/m². Quá trình giải quyết cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá nhà và đất, ông L không khiếu nại kết quả định giá. Cấp sơ thẩm tuyên chia di sản là căn nhà và phần đất có diện tích 66.44m², tính ra mỗi kỳ phần thừa kế 7.38m² có giá trị là 275.752.000 đồng. Do trong phần nhận định của bản án sơ thẩm có nhận định từng

phần giá trị nhà và đất nên trong phần quyết định tính ra mỗi kỷ phần 275.752.000 đồng là phù hợp, có căn cứ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu độc lập nhưng không đóng tạm ứng án phí, bà Lợi là người cao tuổi, không có đơn xin miễn án phí, cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu độc lập nhưng khi quyết định lại tuyên chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trung và bà Lợi đồng thời miễn án phí cho bà Lợi là chưa đúng, cần điều chỉnh lại cách tuyên và buộc bà Lợi phải chịu án phí cho phù hợp.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm, chia cho ông L 02 kỷ phần, như phân tích trên không có căn cứ chấp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hoàng L phải chịu án phí 300.000 đồng. Ông L đã dự nộp được chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2025/DS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - C.

Căn cứ vào các Điều 26, 30, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị L, Trần Hữu Nguyên, Trần Hữu A, Nguyễn Lê Minh A:

Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và cụ Lê Thị T là căn nhà và phần đất có diện tích 66.44m² thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại số 154, đường L, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau), theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5901010282 ngày 24/3/2004 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T, chia cho hàng thừa kế thứ nhất của Cụ H và cụ T gồm: bà Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hoàng L, anh Trần Hữu A, anh Trần Lý N (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Vân), chị Nguyễn Lê Minh A (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị C), mỗi kỷ phần thừa kế 7.38m² bằng giá trị là 275.752.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Hoàng L giao cho bà Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Lê Minh A (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị C) kỷ phần thừa kế của mỗi người được hưởng là 275.752.000 (*hai trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*), anh Trần Hữu A và anh Trần Lý N (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Vân) là 275.752.000 đồng (*hai trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Buộc bà Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, anh Trần Hữu A, anh Trần Lý N (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Vân), chị Nguyễn Lê Minh A (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị C) giao cho ông Nguyễn Hoàng L tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 66.44m² thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại số 154, đường L, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau), theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5901010282 ngày 24/3/2004 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T. Ông Nguyễn Hoàng L có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký kê khai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H về việc tự nguyện hỗ trợ cho ông L phần chi phí sửa chữa căn nhà số 154, đường L, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau) là 70.068.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn L về việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại số 154, đường L, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau), theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5901010282 ngày 24/3/2004 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T.

4. Chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Hoàng L, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Lê Minh A (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị C) mỗi người hoàn lại cho bà H số tiền 3.333.000 đồng. Anh Trần Hữu A, anh Trần Lý N (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Vân) hoàn lại cho bà H số tiền 3.333.000 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí:

5.1. *Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Hoàng L, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn

T, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Lê Minh A (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị C) mỗi người phải chịu án phí là 13.788.000 đồng. Anh Trần Hữu A, anh Trần Lý N (hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Vân) phải chịu án phí là 13.788.000 đồng.

Bà Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị A là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên đã được miễn dự nộp theo quy định.

Ông Trần Văn L phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận. Ông Lẹ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp nên đã được miễn dự nộp theo quy định.

5.2. *Án phí dân sự phúc thẩm:* Buộc ông Nguyễn Hoàng L phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Hoàng L đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0000729 ngày 01/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 1 - C;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 1 - C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà